

Trung Giang Ký Sự – kỳ 30

Hành Vân

Tối ngày 12 tôi vô đến Quy Nhơn. Tháng này Quy Nhơn rất nóng, nhưng từ bến xe mới tôi đi xe ôm đến Tịnh xá Ngọc Nhơn, đường rộng rãi, gió biển thổi mát rượi. Do tôi có liên lạc trước nên đại đức Giác Trục đã cho mở cổng. Tôi vào tịnh xá, ngoài đại đức Giác Trục còn có đại đức Giác Tín và mấy chú. Hai đại đức đều vui vẻ khi gặp lại tôi. Quý đại đức sắp cho tôi nghỉ trong một cốc gỗ, sau khi đi tắm tôi đã vào ngủ ngon lành quên cả nóng nực, có lẽ do đã thấm mệt.

Chủ nhật, ngày 13 tháng 5 năm 2012, chư Tăng và Phật tử Tịnh xá Ngọc Nhơn – thành phố Quy Nhơn lại tổ chức phát cơm chay cho các bệnh nhân tại Bệnh viện Tâm Thần Bình Định ở thành phố Quy Nhơn. Đây là tháng thứ ba tịnh xá làm việc này, trung bình mỗi tháng hai lần tại hai bệnh viện Tâm Thần và Lao của thành phố.



Sư cô Hòa Liên và Phật tử đang cho cơm và đồ ăn vào hộp.

Từ 2 giờ rưỡi sáng, các Phật tử đã về tịnh xá lo nấu cơm và làm các món chay, sau đó bới cơm và đồ ăn vào hộp, cho canh vào bị, chia sẵn mỗi phần 10 gói mì ăn liền, mang thêm bánh cốm... để cho các bệnh nhân đáng thương. Đến 9 giờ, đoàn khởi hành theo sự hướng dẫn của đại đức Giác Trục trụ trì Tịnh xá Ngọc Nhơn và sư cô Hòa Liên. Lần này đoàn đi khoảng 20 vị Tăng, Ni và Phật tử, với khoảng hơn 170 phần cơm và quà.



Mọi người đang chuyển cơm và quà xuống xe.

Lúc đến Bệnh viện Tâm Thần Bình Định ở gần Cầu Sông Ngang, (*thuộc khu vực V, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn – ĐT: 056.3848667*) chúng tôi được biết hôm đó bệnh viện có khoảng 120 bệnh nhân ở ba khoa, gồm hơn 90 bệnh nhân bị bệnh nhẹ ở khoa I, II và 24 bệnh nhân suy nhược thần kinh ở khoa thứ III, (*còn các bệnh nhân tâm thần nặng thì đưa ra An Lão*). Sau khi chia cơm và quà cho các bệnh nhân, hơn 50 phần còn lại đều được đoàn đem cho hết các thân nhân nuôi người bệnh. Hỏi thăm một vị y tá trực ở văn phòng, chúng tôi được biết Sở Y Tế Bình Định vừa có quyết định cho bệnh viện không nhận chăm sóc hoàn toàn cho các bệnh nhân nữa, thay vào đó bệnh nhân phải có người nhà đến chăm sóc. Thiết nghĩ quyết định này rất nhân đạo, nó đã giúp các bệnh nhân tâm thần có được nhiều sự chăm sóc của thân quyến, và từ đó có thể dễ khỏe mạnh trở lại hơn; đồng thời cũng tạo cho thân quyến của người bệnh có trách nhiệm hơn với cha mẹ, anh chị em, bà con... đáng thương của mình.

Mỗi khi đến các bệnh viện, chúng ta đều được mục kiến cảnh khổ trong thế gian này. Tại Bệnh viện Tâm Thần, chúng ta thấy người ta điên vì thất tình lục dục không được thỏa mãn, hoặc điên vì nghiệp báo... Những bệnh nhân tâm thần đa số đều lương thiện, có những hành vi như là trẻ con vậy. Thật tội nghiệp, biết đến bao giờ mới hết cảnh khổ trong thế gian này?

Buổi chiều, tôi hỏi thăm về đức Thầy Giác Tịnh, vị đã sáng lập Giáo đoàn II Phật giáo Khất Sĩ và mấy chục năm cuối đời đã trụ tại Tịnh xá Ngọc Nhơn. Đại đức Giác Trục đi lấy chìa khóa mở cốp đức Thầy dưới tầng cây thị cho tôi vào xem. Trong cốp có ba, bốn hủ lớn đựng xá-lợi của đức Thầy Giác Tịnh. Khi sống ngài Giác Tịnh có hành trạng khác hàng khất sĩ đương thời, nên ít có người hiểu biết ngài. Nhưng đến khi ngài nằm xuống rồi, nhục thân đem thiêu có số xá-lợi quá nhiều đã làm cho nhiều người đổi hẳn thái độ, bắt đầu dùng danh từ “đức Thầy” để gọi ngài.

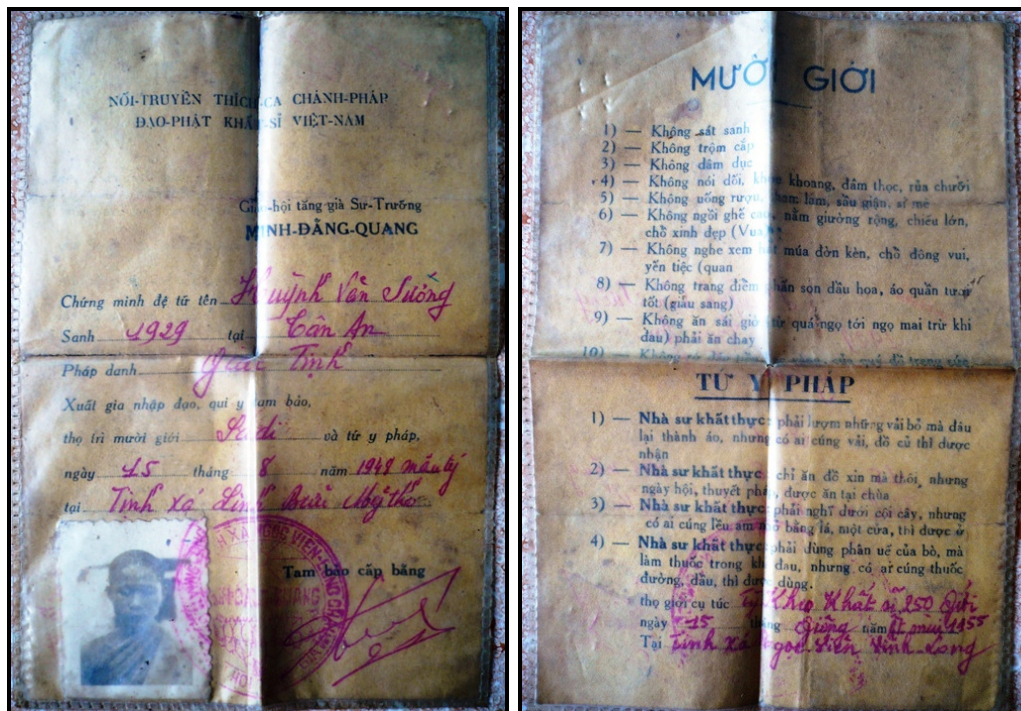
Do máy chụp hình của mình không tốt, nên tôi không xem kỹ và chụp hình số xá-lợi đang thờ trong cốp, mà dự định là sau này sẽ tìm cái máy tốt và viết riêng một bài về số xá-lợi của các trưởng lão Tăng, Ni Khất Sĩ. Với kể

hoạch đó nên tôi chỉ tìm hiểu những vật kỷ niệm còn giữ trong cốc. Đây là kính lão, dao cạo tóc và muỗng ăn cơm của đức Thầy Tịnh:



Kính lão, dao cạo tóc và muỗng ăn cơm của đức Thầy Tịnh.

Cặp kính này chắc ngài ít dùng, vì trên tròng kính còn nguyên tem ghi độ chưa tháo ra. Con dao cạo bằng nhôm đã cũ, muỗng i-nốc đã mòn một chút ở đầu. Còn đây là hai chứng điệp của ngài khát sĩ Giác Tịnh:



Mặt trước và mặt sau của chứng điệp của ngài Giác Tịnh thời Tổ sư cấp.

Theo chứng điệp trên, ngài Giác Tịnh thọ Sa-di ngày rằm tháng 8 năm Mậu Tý 1948, thọ Tỳ-kheo ngày rằm tháng giêng năm Ất Mùi 1955, do Tam Bảo cấp bằng, Tổ sư Minh Đăng Quang ký tên xác nhận. Trên tấm hình của ngài dán trong chứng điệp có hai con dấu, có lẽ nó được xé ra khỏi chứng điệp cũ để dán qua chứng điệp này. Mà trong chứng điệp cũ, tôi đoán ngài Giác Tịnh phải thọ Tỳ-kheo vào ngày rằm tháng 7 năm Tân Mão 1951, một lớp với ngài

Giác Tánh. Năm 1955 thì Tổ sư Minh Đăng Quang đầu có mặt mà ký tên xác nhận, đây là do Tăng đoàn dùng một tấm chứng điệp đã được Tổ sư ký sẵn để điền thông tin vào chẳng? Chắc là do ngài Giác Tịnh bỏ đoàn đi ra miền Trung vào năm 1954, khi về đã bị Tăng đoàn giáng cấp...



Mặt trong và mặt ngoài của chứng điệp thời Giáo hội Tăng-già Khất Sĩ Việt Nam cấp.



Theo chứng điệp thứ hai, là chứng điệp do Giáo hội Tăng-già Khất Sĩ Việt Nam cấp vào ngày 25/1/1980, có giá trị ba năm, được trưởng Giáo đoàn II (không có chữ “quyền”) là trưởng lão Giác Định xác nhận. Nhưng ở mặt ngoài, chứng điệp lại được đóng dấu và ký tên xác nhận gia hạn thêm gần bốn năm nữa, đến tận ngày 30/12/1986. Có lẽ ngày xưa mấy việc hành chánh không tỉ mỉ cho lắm.

Ngoài những vật trên, trong cốc còn giữ mấy tấm giấy quy y cho Phật tử do chính tay đức Thầy Tịnh ghi, chữ nghiêng nắn nót rất đẹp. Mặt trước của giấy ghi:

Phật Giáo Khất Sĩ Việt Nam

Chứng Minh Thư

Phật tử ...

Sinh ngày ...

Nguyên quán ...

Đã quy y Tam Bảo...

Dưới cùng ghi:

Chứng Minh Đạo Sư

(ký tên)

Thượng Tọa Thích Giác Tịnh

Xem nội dung của mặt trước giấy quy y, ta chú ý bốn cụm danh từ Phật Giáo Khất Sĩ Việt Nam, Chứng minh thư, Chứng minh Đạo sư và Thích Giác Tịnh, lại biết được chữ ký của đức Thầy Giác Tịnh. Năm đó là năm 1985, ngài không dùng các danh từ Hệ phái Khất Sĩ và Giấy quy y, ngài tự xưng là Chứng minh Đạo sư và dùng họ Thích. Còn mặt sau của các giấy này có nội dung:

Thọ Tam Quy... Trì Ngũ Giới... Tránh Năm Nghề... Kể Từ Nay Cho Đến Trọn Đời.



Kỷ niệm chữ viết tay và chữ ký của đức Thầy Giác Tịnh.

Trong cốc có một quyển kỷ yếu lễ tang đức Thầy. Nói rằng đương thời ít ai hiểu Thầy Tịnh, nhưng trong quyển *Kỷ Yếu Tang Lễ* còn lưu lại những dòng cảm tưởng như sau:

Đêm nay là đêm cuối con được hầu Thầy, mong làm sao đạo nghiệp của con cũng được tròn đầy như những bậc Tổ Thầy!

Ký tên

Giác Thiện

Kính dâng Đức Thầy.

Được hay tin Đức Thầy viên tịch. Chúng con chư Tăng GĐ. III một lần nữa mất bậc trưởng thượng đệ tử của Tổ Sư, chúng con cầu Giác linh Đức Thầy cao đẳng Phật quốc. Và chia xẻ cùng chư huynh đệ GĐ. II sự mất mát to lớn này.

Nam mô A Di Đà Phật.

Ký tên

HT. Thích Giác Dũng

Nam mô Bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Hoa nở hoa tàn việc thế gian
Đường tu tự tại cảnh thanh nhàn
Việc gì cần đến thì ta đến
Như vậy trần gian tức Niết Bàn.

Chư Tôn Đức Tăng Tịnh Xá Ngọc Cẩm, T.X. Ngọc Lâm, T.X. Ngọc Truyền, T.X. Ngọc Hương thành tâm cầu nguyện Giác Linh Trưởng Lão CAO ĐẲNG PHẬT QUỐC.

Ký tên

Hòa thượng: THÍCH GIÁC TRĂNG

Toàn thể chư Tăng Ni tỉnh Lâm Đồng được tin Đức Thầy Trưởng Lão Thích Giác Tịnh GĐ II Tịnh Xá Ngọc Nhơn TP. Qui Nhơn viên tịch. Chúng con đồng trở về quy ngưỡng trước Kim Quang thành kính đánh lễ cầu nguyện ơn trên 10 phương chư Phật từ bi gia hộ Giác linh Trưởng lão Cao đẳng Phật quốc.

Và thành kính phân ưu cùng toàn thể chư tôn đức Tăng Giáo đoàn II trong sự mất mát lớn lao mà Đức Thầy đã vĩnh viễn ra đi...

Qui Nhơn ngày 23-5-2552.

Đại diện Tăng Ni tỉnh Lâm Đồng

Ký tên

HT. Thích Giác Ngộ

Tịnh Xá Ngọc Kinh (Thừa Thiên Huế)

Tịnh Xá Ngọc Kỳ (Tam Kỳ, Q Nam)

Tịnh Xá Ngọc Lộ (Cam Lộ, Q. Trị)

Thành kính đánh lễ cố Giác Linh Đức Thầy. Chúng con nghĩ: Phật có dạy:

“Thế gian vô thường
Thị sanh diệt pháp
Sanh diệt diệt dĩ
Tịch diệt vi lạc.

Hôm nay là ngày vui của Đức Thầy vì ngài đã liễu tri các pháp thế gian vô thường chỉ có tịch diệt mới vui nên đã thu thần tịch diệt.

Kính Nguyên Giác Linh Đức Thầy Cao Đăng Phật Quốc.

TM. 3 Tịnh Xá.

Ký tên

Ni Sư Chúng Liên

Tịnh Xá: Ngọc Thuần. Fan Rang.

Hóa thân làm cội Bồ Đề

Trăm ngàn muôn kiếp Không Hề Tử Sanh.

Ký tên

Giác Lộc

Phòng Nội Vụ Thành phố Quy Nhơn

Thành kính phân ưu cùng tăng ni, Phật tử của Đức Thầy Đại Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Giác Tịnh đã viên tịch.

Phó phòng Nội vụ

Ký tên

Nguyễn Thành Trung

“Thầy đến

Chẳng mang thứ gì

Cũng như vậy đó ra đi nhẹ nhàng

Sá chi đâu

Chuyện thế gian

Mà lưu dấu vết son vàng

viễn vông

Mây trôi nước chảy, gió lồng

Từ hư không đến...

thì từ hư không về

Vạch cho đời thấy lòng quê

Để thênh thang bước vượt bề tử sanh”

Kính lạy Giác Linh Đức Thầy
(*Hết chỗ ký tên*)

Ban Dân Vận Thành Ủy Quy Nhơn
Kính Viếng Thượng Tọa

Ngày 25-6-08
TM. BDV Thành Ủy
P. Trưởng Ban
Ký tên
Nguyễn Thành Đồng

Vô cùng thương tiếc Trưởng Lão Thích Giác Tịnh.
TM .UBMTTQVN PT Quy Nhơn

Ký tên
Đồng Minh Tân

Chúng con Tăng chúng Tịnh xá Ngọc Sơn P. Sơn.
Kính viếng thành tâm cung tiễn Đức Thầy
Giác ngộ chơn tâm – Tâm thị Phật
Tịnh ly huyễn tánh – Tánh hoàn chơn.
Đệ tử

Ký tên
TK. Thích Giác Trí

Trụ trì Ngọc Sơn – Phước Sơn – Tuy Phước

...

Dòng lưu bút kỷ niệm của sư Giác Thiện (*Giáo đoàn II*) thật là chân tình, thấm thiết. Sư là người nhỏ, không phải hàng giáo phẩm hay hàng lãnh đạo nên sư đâu có nói năng to tát gì, nhưng thử hỏi có ai dám coi thường tâm nguyện của sư? Đọc những dòng sư viết, người ta chỉ càng thêm kính trọng vị thầy đã hun đúc nên những người học trò như sư mà thôi! Còn cảm tưởng của đại đức Giác Lộc và hòa thượng Giác Tràng toát lên ngạo khí Bồ-tát. Đặc biệt, bài thơ cảm niệm của một người đệ tử viết dâng tặng riêng đức Thầy Giác Tịnh mà chưa ký tên thật rất hay. Bài lục bát ấy thật là một bài thơ đạo, không phải là những bài kệ tuyên truyền giáo lý thường thấy. Xúc cảm với hồn thơ của nó, nay xin phép được biên tập đôi chỗ để phổ biến, để chuyển nó thành một bài phân ưu ý nghĩa cho tất cả những ai còn lặn hụp trong kiếp nhân sinh:

“Người đến,

Chẳng mang thứ gì
Cũng như vậy đó ra đi nhẹ nhàng!
Sá chi đâu
Chuyện thế gian
Mà mang bao nỗi mơ màng viễn vông?
Mây trôi, nước chảy, gió lồng
Từ hư không đến, như hư không về
Người ơi, thỏa tấm lòng quê
Để thênh thang bước vượt bề tử sanh!”

Xem xong cốc đức Thầy, đại đức Giác Trục dẫn tôi ra xem chiếc xe của Đoàn Du Tăng Khất Sĩ thời Tổ. Xe mới được sơn lại năm ngoái và làm cho một ngôi nhà che nắng mưa. Số xe ghi trên biển số bị sai, số đúng phải là NCA 704. Theo tôi được biết thì Tổ sư Minh Đăng Quang đã chứng minh nhận lãnh cho người phát tâm cúng dường xe, đến khi xe được mang về dâng lên Đoàn Du Tăng Khất Sĩ thì Tổ sư đã vắng bóng. Lúc đầu chư Tăng khất sĩ cùng đi xe này, đi khắp miền Nam và bốn chuyến ra miền Trung, lên Cao nguyên. Sau khi năm đoàn hình thành, ngài Thượng tọa Giác Chánh xem như dẫn riêng một đoàn, ngài không muốn đi xe nữa, nên xe đã được ngài Giác Tịnh mang ra Quy Nhơn. Sau đó ngài Giác Tịnh còn có một chiếc xe khác cũng giống xe này, biển số khác.



Chiếc xe của Đoàn Du Tăng Khất Sĩ thời Tổ sư vừa vắng bóng.

Chiếc xe rờ-nôn NCA 704 này có ý nghĩa lịch sử rất lớn: Nó là vật chứng lịch sử của Đoàn Du Tăng Khất Sĩ thời Tổ sư Minh Đăng Quang (*trước khi hình thành các đoàn*), là hiện thân của ý chí du phương hành đạo của Tổ sư và Tăng đoàn Khất sĩ, là một hình ảnh của “Chiếc thuyền Giáo hội vớt người trần duyên”, là tinh thần Khất sĩ Bỏ-tát bất diệt, là một dấu ấn của Giáo pháp Khất sĩ... Nó xứng đáng được trân trọng, gìn giữ kỷ niệm, hàng ngày cúng bái. Nó là niềm tự hào của Ngọc Nhơn, vì các tịnh xá khác không có. Như xe này thì các

giới Phật tử sẽ gọi là xe Lớn hay xe Nhỏ? Dĩ nhiên lớn hay nhỏ phải xem tâm đức, hạnh nguyện, trí tuệ của những người ngồi trên xe đó, chứ lo xem danh hiệu của họ thì vô nghĩa; nhưng nhìn chung xe này đã vượt khỏi những chuyện ăn – mặc – ở – bệnh thường tình rồi!

Xem xe xong, đại đức Giác Trục và tôi ra xem mộ bà huyện Tám ở gần sau đó, một ngôi mộ khang trang tọa lạc trong một khuôn viên còn luộm thuộm, kế bên một dãy cốc Tăng ở:



Mộ chủ tên Nguyễn Thị Tám, pháp danh Huệ Ngọc, tạ thế ngày 24 tháng 11 âm lịch năm 1976, hưởng thọ 88 tuổi. Bà là phu nhân của một vị quan huyện, nên dân địa phương gọi là bà huyện Tám. Năm 1958, khi ngài Giác Tịnh hành đạo ở Quy Nhơn, bà huyện Tám đã phát tâm cúng dường một khu đất rộng cho ngài cất tịnh xá đạo tràng. Ngài Giác Tịnh đã cất lên Tịnh xá Ngọc Nhơn, khánh thành năm 1959, có rất đông Tăng, Ni khát sĩ đương thời và Phật tử tham dự.



Hình bà huyện Tám thờ trên nhà Cừ huyện Tịnh xá Ngọc Nhơn.

Theo lời đại đức Giác Trục cho biết, bà huyện Tám là đại thí chủ và là một Phật tử thuần thành của Tịnh xá Ngọc Nhơn, nhưng bà hộ pháp của Ngọc Nhơn mới là đặc biệt, đến khi mất nhục thân bà còn có xá-lợi! Nghe đại đức kể sơ vậy tôi thấy có chút tò mò. Ngọc Nhơn này lạ thật, thầy ra đi để lại mấy hủ xá-lợi, đến một nữ cư sĩ đệ tử cũng có xá-lợi nữa!

Tôi liền hỏi tên bà hộ pháp ấy, đại đức Trục đáp là bà Xả Ngọc, muốn xem xá-lợi của bà thì lên Cừ huyện xem, còn muốn biết chuyện của bà nhiều hơn thì qua nhà bà Bửu Ngọc mà hỏi. Tôi đề nghị đại đức cho người chở giúp tôi qua nhà bà Bửu, nhưng để tôi lên nhà Cừ huyện trước đã. Và đây, chân dung cùng xá-lợi của bà hộ pháp Xả Ngọc:



Bà hộ pháp Xả Ngọc, người suốt đời hộ trì Tịnh xá Ngọc Nhơn.



“Xá-lợi cô Xá Ngọc” thờ trong hai tháp nhựa.

Hồi ở Đà Lạt nghe kể bà Hạnh Lộc biết trước ngày vãng sanh và lưu lại một hạt xá-lợi màu nâu cho người con trai út tôi đã thấy đặc biệt. Không ngờ ra Quy Nhơn được biết một bà cụ để lại cả ba nhúm xá-lợi, đủ màu, chung thờ tự nhiên, chẳng ai bận lòng dầu giếm cất giữ gì cả!

Chú Thiện Minh chở tôi qua nhà bà Bửu Ngọc, may sao gặp được bà và cô Ánh Ngọc, hai mẹ con vui vẻ tiếp đón và kể mọi chuyện cho tôi nghe. Bà Bửu Ngọc quy y đức Thầy Tịnh năm 1960, nhưng sau đó thường hộ pháp bên sư cô Phan Liên ở Tịnh xá Ngọc Nhuận. Mấy năm sau sư cô Phan lên Ban Mê Thuộc, bà gắn bó với Ngọc Nhơn nhiều hơn. Thời gian gần đây bà vẫn cố gắng đi cúng hội ở Ngọc Nhơn không bỏ kỳ nào. Mấy bà thiện tín nói: “Bà cụ siêng đi cúng hội quá!”, bà đáp: “Tui không đi cúng hội, một là bệnh, hai là chết mà thôi. Hễ còn đi được là tui không bỏ.”.



Bà Bửu Ngọc và cô Ánh Ngọc

Khi tôi hỏi về đức Thầy Tịnh, bà Bửu Ngọc kể:

“Hồi đức Thầy còn đi xe, lâu lâu Thầy về Ngọc Nhơn. Rồi Thầy tu tịnh luôn ở Ngọc Nhơn từ thời Ngụy tới giờ. Khi Thầy tu tịnh, trò hay lên hộ, thiện tín cũng lên đông lắm.

Thầy nói thiện tín mua đất làm nghĩa trang Tịnh xá Ngọc Nhơn.

Thời đó hòa thượng Thanh trụ trì Tịnh xá Ngọc Nhơn, Thầy mượn xe ba-lua chở cát về đổ đầy đó. Thầy ngồi giữa sân sàng cát tới trưa, không đội nón, xong mượn xe chở vô miền Nam đổ đâu không biết, Thầy không nói. Cát đem đi đổ chớ không bán.

Sau thời sàng cát, Thầy biểu mấy thanh niên mỗi đứa một quyển sổ, biên mười câu pháp vị tha và tám câu dâng hương.

Sau Thầy lại đúc nhôm, đúc rồi giao bà Đức bán. Thầy chỉ làm thôi chớ không biết đến tiền bạc.

Sau Giải phóng Thầy trồng bạch đàn trên núi (*sau Ngọc Nhơn*), nhiều lắm, bị nhà nước thu hồi hết.

Sau Thầy không làm nữa, tu tịnh.

Thầy có nhiều việc thấy mệt lắm. Thầy tu pháp nghịch, mấy người không biết nói này nói kia, mà Thầy ai nói gì thì nói, khen cũng không nói gì, chê cũng không nói gì, nín thin.

Cô Bảy Thuần ở bên tịnh xá, xưa hoạt động Cách mạng bị bắt, Thầy vô bảo lãnh về. Tối hôm trước cô nằm chiêm bao thấy Thầy vô tù thăm cô, đưa cho một chai dầu, biểu xúc lên chỗ bị quánh: “Xúc đi, nó lành chớ không sao đâu.”. Tới sáng ngày Thầy vô bảo lãnh cô. Đến Giải phóng cô làm cán bộ ở phường, không biết sao mà người ta bắt Thầy đưa lên phường. Trưa nắng, Thầy không đội nón, đứng lầy chân trộn lúa họ phơi giữa sân. Thiện tín lên thăm, đứng ngoài nhìn mà khóc chớ không biết nói gì... Họ biểu gì Thầy làm nấy chớ không cãi gì hết. Sau họ thả Thầy về.

Thầy vô núi Dinh (*ở Bà Rịa Vũng Tàu*), có bà thiện tín thuần thành gởi mấy chỉ vàng, nhờ Thầy cất dùm chớ sợ ở nhà lũ con nó phá. Có thằng đó lén lấy. Khi bà thiện tín đến đòi, Thầy coi không có nữa, Thầy nói: “Ừa, tôi để đây mà đâu mất rồi?”. Bà đi báo công an, họ bắt Thầy ở tù mấy ngày đó. Thiện tín ở đây nghe, đi vô thăm Thầy. Họ kêu Thầy ra, Thầy nói với thiện tín: “Không sao đâu, tôi ở đây tu, dạy cho mấy ông tù tu. Bữa sau nhớ đem đồ ăn cho nhiều.”. Khi Thầy về lại Quy Nhơn rồi, cách năm, sáu năm sau bà gởi vàng đau bệnh, gần chết, gọi điện thoại cho Thầy xin sám hối vì đã nghi oan Thầy. Sau này thằng đó về Quy Nhơn mua xe đạp, sắm dây chuyền đeo, Thầy không nói gì. Ông Thê hoạt động Cách mạng, bị ở tù Côn Đảo, nói: “Ông Sường này kỳ ghê, hỏi gì cũng “Mô Phật”, hỏi có lấy tiền của bà đó không ông cũng “Mô Phật”!”. Trò nói: “Thầy tui đây đó.”.

Thầy giao đoàn cho sư cụ Định, Thầy tu tịnh chớ không tham gia giáo hội nữa. Sư cụ Định là Trưởng Giáo đoàn II, lúc gần tịch cụ nói: “Thỉnh Thầy vô đây, tôi giao lại chức Trưởng đoàn cho Thầy.”. Cụ tịch rồi Thầy mới được biết, Thầy vô thăm.

Cơm Thầy ăn, bỏ cối quét nhuyển rồi vắt thành vắt, chấm xì-dầu ăn. Tối, Bửu Ngọc, Xả Ngọc, Chu Ngọc lên thăm Thầy, Thầy cho bà Chu một vắt bằng cái chén. Bà Chu bẻ một miếng cắn ăn, còn lại đưa cô Xả, cô Xả bẻ đưa cô Bửu: ăn không được, mà sao Thầy ăn giỏi!

Thầy thuyết pháp theo *Chơn Lý*, trò ít hiểu. Thầy cúi mặt, nhắm mắt nói. Một lần Thầy thuyết pháp lâu quá, Thiện Dân (*sau xuất gia*) tới bạch: “Bạch Thầy, trễ giờ cúng Ngọ rồi.”. Thầy la: “Tôi nói pháp, ai có nghe thì nghe, mà không nghe thì cứ tự ý đi ra. Tôi nói pháp, quý vị không nghe thì có chư thiên, long thần, hộ pháp nghe.”. Rồi Thầy nói cho hết buổi thuyết pháp, mà Thầy nói lâu lắm.

Thầy ngủ không giăng mùng, muỗi chích quá, thiện tín bạch: “Sao Thầy không giăng mùng, để muỗi chích thành ghẻ?”. Thầy nói: “Bổ thí máu cho muỗi đó.”.

Mãn duyên Thầy đi lúc 5 giờ chiều. Lúc đó Thầy nằm như tư thế Phật nằm.”

Nghe qua lời bà Bửu Ngọc kể thì ngài Giác Tịnh có nhiều sáng tạo, nào là lái xe đồ chở khách, kêu gọi làm nghĩa địa cho dân, sàng cát đem đổ, đúc nhôm, trồng bạch đàn, dạy cho nhiều người điên và mấy ông tù tu, cơm đem quét rồi chấm tương ăn, bổ thí máu cho muỗi... Trong khi Tổ sư Minh Đăng Quang dạy chúng: “Cấm khát sĩ y bát làm việc nông, công, thương, và binh.”¹ mà ngài Giác Tịnh làm vậy nên bị xem là nghịch với hạnh khát sĩ. Nhưng đặc biệt, chư Tăng và Phật tử khi kể về đức Thầy Tịnh đều nói là “Thầy tu nghịch.”. Vậy cái nghịch của ngài vẫn được ghi nhận là pháp tu. Thế thì Thầy tu nghịch là tu cái tâm gì? Việc đó có đạo lý gì mà không ai theo nổi?

Bà cụ Bửu Ngọc nhớ đâu kể đó. Cô Ánh Ngọc cũng vậy, đã kể thêm nhiều chuyện cho tôi nghe:

“Có ông Hai làm công quả ở tịnh xá. Hồi đó ai vô tịnh xá xin gì Thầy cũng cho hết, hoa, kiếng, cho đến cái radio... Ông Hai thấy tức mình mới nói với Thầy: “Của thập phương bá tánh chớ của gì của Thầy mà Thầy cho!”. Thầy làm thỉnh, sau ông Hai sám hối với Thầy.

Mấy người thần kinh về tịnh xá, Thầy dạy ngồi viết mười câu pháp vị tha và tám câu dâng hương. Họ chú tâm vô chữ viết, vậy mà họ bớt bệnh. Mà mấy người mát mát ở đâu thỉnh thoảng cứ lên Thầy, Thầy độ hết. Cô Xả kể, có lần cô nói: “Bạch Thầy, con mệt Thầy quá đi!”, mệt vì cô phải lo cơm nước cho mấy người đó. Thầy mới nói: “Cô Xả mệt thì cứ về nhà nghỉ, đừng làm. Người ta muốn tu thì mình dạy người ta, người ta tu được là quý. Chớ mấy người tính có chịu tu đâu?”. Thầy giải thích vậy cô Xả mới hiểu, chớ lúc đầu cô bực mình lắm.

¹ Điều số 6 của *114 Điều Luật Nghi Khất Sĩ*. Nhưng chính xác theo văn bản của pháp luật phải là: “Cấm khát sĩ y bát làm việc nông, công, thương, **hoặc** binh.”. Nghĩa là chỉ cần làm một việc đã phạm, không đợi đến khi làm đủ bốn việc mới phạm.

Sau 75 khó khăn, quý sư không được ở tịnh xá, thượng tọa Mẫn phải ở nhà, sáng sớm 3 giờ qua hầu Thầy. Thượng tọa hầu Thầy cũng lâu lắm.

Cô Xả kể sư Giác Hội coi bói, có trông mấy chậu ngải. Có người báo với cô Xả đó là ngải mạch, ngải nói, cô đem hốt quăng hết xuống giếng sau cốc bát giác của Thầy. Sư Hội về thấy mất hết bảo bói, sư tức mình xăm xăm tới đòi đánh cô Xả, cô mới cự lại. Thua cô Xả, sư Hội lên phòng Thầy, lúc đó Thầy đang nằm nghỉ ở cái đơn, sư nắm dựng lên, trút Thầy xuống đất. Rớt xuống đất, Thầy đứng dậy đi chỗ khác chứ không nói tiếng nào.”

Tôi hỏi:

– Chắc vị đó cũng về luôn chứ tu gì nữa, hả?

Cô Ánh đáp: “Sư ra ngoài.”, rồi kể tiếp về cô Xả:

– Công việc bên tịnh xá cô Xả làm hết, có khi chung bông tới tối mới về nhà nghỉ. Cô Xả là chính, cũng có mấy người phụ lật vật, thỉnh thoảng. Khó kiếm được một người hộ pháp như cô Xả!

Chú Thiện Minh cũng nói:

– Nhà cô Xả ở đối diện tịnh xá, bên kia đường. Cô hộ pháp từ thời con gái đến khi mất.

Cô Ánh nói:

– Cô Xả ăn chay trường, mới mất năm ngoái, thọ 79 tuổi, lo cho tịnh xá suốt 60 năm.

Khi cô Xả bệnh, chưa xong lễ đức Thầy, cô nguyện với Phật Quan Âm: “Cho con lo xong lễ của Thầy đã!”. Có lần cô Xả bị ghen trong cốc không sao hết được, cô mới nguyện với đức Quan Âm. Đêm, cô Xả thấy đức Quan Âm mặc áo trắng cầm một cành hoa huệ đặt lên ngực cổ, sáng ra hết bị ghen liền.

Chú Thiện Minh nói:

– Cô Xả rất trực tính, nhiều người đến tịnh xá đùa nghịch gặp cô đều phải sợ. Cô Xả có cái oai của người hộ pháp.

Bà Bửu Ngọc đang ngoáy trầu ăn cũng nói thêm:

– Mấy ông man man vô Tịnh xá Ngọc Nhơn Thầy nuôi hết. Cúng ngọc cho Thầy, xốt bát để đó, ông vô cốc lấy ăn. Cô Xả lên thấy la: “Sao cơm tao cúng dường cho Thầy mà mày lấy ăn? Mang tội chết!”. Thầy can: “Thôi cho họ ăn, mình bữa khác ăn cũng được.”. Thầy độ cho mấy người đó, họ hết bệnh họ về.

Cô Ánh nói:

– Mấy người dân quân ngày xưa (*trước năm 1975*) họ nói với cô Xả: “Cô Ba, sao thấy trong chùa có ánh sáng, chỗ mấy nhà mồ đó, sáng rực lên?”. Cô Xả đáp: “Bật điện thì thấy sáng chứ gì.”. Họ nói lại: “Không, cái ánh sáng gì đó chứ không phải điện.”. Trong tâm cô Xả lúc nào cũng xem Thầy là một đức Phật!

Nghe cô Ánh nói, chú Thiện Minh cũng kể lại tương tự, còn bảo tôi nên hỏi thêm chú An ở An Khê sẽ biết rõ hơn. Đến đây, tôi hỏi mọi người một điều quan trọng:

– Pháp tu của Thầy Tịnh có ai học được không?

Cả cô Ánh Ngọc, chú Thiện Minh và một cô trẻ nữa cùng nhao nhao lên:

– Chu cha, quý sư còn không theo nổi nữa là Phật tử!

Tôi ngồi chơi thêm một lát, trong khi uống nước nghe kể thêm vài chuyện. Sau đó tôi cảm tạ mọi người, không quên chúc lành cho các Phật tử ấy rồi xin phép về tịnh xá.

Rời nhà bà cụ Bửu Ngọc, tôi về lại Ngọc Nhơn. Lúc kiểm tra lại những thông tin mới nhận ra một điều không khớp: cô Ánh nói bà Xả Ngọc mất năm 2011, hộ trì cho Ngọc Nhơn suốt 60 năm, tức là từ năm 1951, mà năm đó thì Ngọc Nhơn chưa có. Theo lời chú Thiện Minh nói, bà Xả Ngọc hộ pháp từ thời con gái đến khi mất, tức là hộ pháp suốt đời, không lập gia đình, nói thế này thì chính xác hơn. Nghĩ nhân duyên trong cuộc đời thật là hay, thầy đến vùng đó hành đạo, trò đã sanh sẵn nơi đó để chờ đợi hộ trì cho thầy. Cái hay này là nhân quả báo ứng chứ không có gì lạ: người ở đời đến với nhau theo cách này, cách kia đều đã được lập trình rồi. Đó là các pháp do tâm tạo, dĩ nhiên trong cái hay còn có cả những chủ nợ đang đợi sẵn nữa...

Khi tôi hỏi về mười pháp vị tha của đức Thầy Tịnh đã dạy thì chư Tăng và Phật tử Ngọc Nhơn đều không biết. Ai cũng nhắc đến chú An ở An Khê, ba của Huệ Thịnh, rằng chắc chú An nhớ rõ. Đến mấy ngày sau đại đức Trục đã sưu tầm và gửi qua e-mail cho tôi **Mười pháp vị tha**, còn gọi **Mười là** của đức Thầy Giác Tịnh dạy cho những người bị điên vì thất tình lục dục không thỏa mãn:

- Một là Có khổ mới có vui.
- Hai là Có cực mới có sướng.
- Ba là Không còn biết khổ bởi đã quen khổ.
- Bốn là Vui trong cái khổ.
- Năm là Nghỉ ngơi trong cái khổ.
- Sáu là Nhận lấy cái vui tuyệt đãi của người mà quên khổ nhục của mình.
- Bảy là Lánh xa điều ác.
- Tám là Cần chuyên việc thiện.
- Chín là Người như vậy mới là kinh nghiệm mà thấy ra đường chánh.
- Mười là Người như vậy mới là đi trúng đường tiến hóa và rốt ráo hoàn toàn.

Trong Chơn lý số 6 – *Có và Không*, Tổ sư Minh Đăng Quang viết:

“Cái Có thật là bao gồm tổng quát, và lại chia ra làm hai loại như: có thiện có ác, có còn có mất, có có có không, có địa ngục có thiên đường, có Niết-bàn có luân hồi, có sống có chết, có đến có đi, có tốt có xấu... tương đối! Bởi Có mới có đặt tên, so sánh, nói chỉ viết ra. Thế nên

một kẻ chấp Có để tiến lần đến Niết-bàn rốt ráo, yên vui tốt đẹp; nhờ chấp Có mới cố gắng siêng năng, vượt lên từng bước một; nhờ chấp Có mới bỏ ác theo lành, mà đi tới cõi vui tuyệt đối. Khi đến cảnh tối cao ấy rồi họ không còn sự cố chấp vọng động, chớ cảnh ấy cũng vẫn có với họ; dầu họ cố quên hay là ngủ nhắm mắt, cảnh Có ấy cũng chẳng mất đi đâu.

Cũng như không có cái Có thì đâu có một, mà không một thì đâu có nghỉ ngơi, chơn như, vắng lặng. Không phải như sự giải đãi mà nói liều Không không, Không có, Không làm, Không cần biết phải quấy gì cả... của kẻ đánh liều buông lung tội ác; để rồi sau này lại chịu khổ sầu. Mà thật ra cái Có có là sự gieo trồng giống tốt của kẻ siêng năng. **Có khổ mới có vui, có cực mới có sướng, không còn biết khổ bởi đã quen khổ, vui trong cái khổ, nghỉ ngơi trong cái khổ, nhận lấy cái vui tuyệt đãi của người mà quên khổ nhọc của mình, lánh xa điều ác, cần chuyên việc thiện; kẻ ấy mới thật thấy chánh đi đúng theo lẽ có, biết tạo lập cho mình và cõi đời, từ nay và mãi mãi về sau, trở nên một thế giới cực lạc sống chung, mà có mình trong ấy mỗi lúc.**

Đi theo một chương trình thuyết Có, kết cuộc sẽ thành công vĩ đại phi thường. Phật Thánh xưa nói Không không là tránh cho chúng sanh sự ác, sự khổ, chớ nào có cái Không, Không là ra làm sao? Nếu Không sao các ngài thành Phật, là đáng tối cao tốt bậc? Vậy ta chớ hiểu lầm câu nói ấy mà chấp Không, để mãi thụt lùi chôn nhốt là lỗi tự mình.”

So sánh với đoạn in đậm trong Chơn lý *Có và Không* của Tổ sư Minh Đăng Quang đã trích dẫn ở trên, ta thấy Mười pháp vị tha của đức Thầy Tịnh chính là đoạn này, nhưng hai câu 9 và 10 đã được tổng hợp lại “Người như vậy mới là...” để sáng ý hơn, đúng với tinh thần chủ đạo của bộ *Chơn Lý*. Bộ *Chơn Lý* có hơn 394.000 từ, nội dung phong phú, vậy mà ngài Giác Tịnh chỉ trích dẫn một đoạn có thể xem là không quan trọng cũng vận dụng được thành mười pháp vị tha rất hiệu nghiệm cho những người mát mát hết bệnh. Người ở đời đa phần điên loạn vì ích kỷ, một khi biết mở lòng ra nghĩ đến tha nhân, đến chúng sanh vạn loại thì trở nên sáng suốt, thông minh, quảng đại... Nhưng nghe mọi người cùng nhận xét là nhóm đệ tử mát mát của đức Thầy Tịnh sau khi hết bệnh đều có ý coi thường chư Tăng, (*chỉ biết có sự phụ mình*), nên không được thiện cảm của mọi người. Nếu vậy thì họ chưa thật hết bệnh, chưa thật thấm thuốc “Vị tha”, vẫn còn điên đảo và ích kỷ, dù đã bình tĩnh hơn trước rồi.

Đến khi chuẩn bị đăng bài số 30 này, cần đối chiếu lại một số thông tin, tôi đã điện thoại cho chú An ở An Khê. Biết tôi đang tìm hiểu về đức Thầy Tịnh, chú kể ngay không dấu giếm gì, theo cách tôi hỏi đâu thì chú trả lời đấy. Qua bốn cuộc điện thoại với chú An, tôi đã có những thông tin cần đối chiếu, lại thu hoạch được thêm những thông tin quan trọng:

Khoảng năm 1985 chú An bắt đầu theo Thầy Tịnh. Lúc đó chú vào Quy Nhơn học bùa Thiên Hoa Vạn Pháp đã được 10 năm, mục đích để đi đánh lộn và chữa bệnh tà. Sau, nhận thấy bùa chú là pháp thần quyền, không phải pháp

giải thoát nên chú bỏ. Chính chú Xuân đã khuyên chú: “Bùa ngãi, trị tà là tạo nghiệp, chỉ sợ sẽ rước lấy hậu quả không tốt. Có ông sư này quảng đại thần thông lắm, nên theo học pháp của ông.”. Theo lời bạn, chú An xuống Tịnh xá Ngọc Nhơn xin Thầy Tịnh cho quy y, học thiền. Chú xuống đến nơi khoảng 3 giờ chiều, gặp Thầy Tịnh liền được Thầy chấp nhận, dẫn lên chánh điện cho chú thọ tam quy ngũ giới ngay.

Ban đầu chú cũng còn tâm coi thường, vừa lạy Phật vừa nghĩ rằng: “Học bùa lâu nay còn chưa đến đâu, không biết mấy ông thầy chùa này sao đây?”. Hôm đó truyền giới xong, Thầy Tịnh đặt pháp danh cho chú là Thiện Thanh. Rồi Thầy giảng giải cách thức thiền của Thầy, dạy chú An ngồi chú tâm ghi và sau đó thâm niệm liên tục hai câu: “Năm là nhớ tưởng đạo lý. Sáu là nhất tâm đại định.”. Cuối cùng Thầy nói: “Bây giờ anh cứ niệm mãi thế này, về đến nhà rồi biết!”. Chú theo lời về nhà người chị nghỉ, ở cách Ngọc Nhơn khoảng 3km, trong lòng niệm mãi hai câu Thất giác ý đã được dạy. Tối đó, lúc hơn 8 giờ, chú lên giường nghỉ, vẫn niệm hai câu không dứt. Vừa chớp mắt chú đã thấy Thầy Tịnh đến đứng bên đầu giường! Thầy nói “Anh cứ như thế mà làm.” rồi biến mất! Sáng hôm sau chú lại Ngọc Nhơn chào Thầy để về An Khê. Vừa bước một chân vào nhà Cửu huyền (*chỗ Thầy hay nghỉ*) đã nghe Thầy nói: “Đêm qua anh có thấy gì không?”, chú thưa: “Dạ con có thấy.”, Thầy dạy: “Cứ thế mà hành nghe.”.

Từ đó chú thường đến Tịnh xá Ngọc Nhơn theo Thầy Tịnh tọa thiền. Trong chánh điện cũ dưới tầng cây bồ-đề, Thầy Tịnh ngồi trước bàn thờ Tổ, chú ngồi phía tay trái của tượng Phật Thích-ca (*nam tả nữ hữu*). Mỗi tháng chú đi từ nhà ở phía trên đèo An Khê đến Ngọc Nhơn là đúng 72 cây số, ở lại tu khoảng năm, bảy bữa. Thời gian đầu ngồi thiền chú thấy ngứa người, trên mặt và trong mũi như có mấy con gì bò, hoặc thân chao đảo (*có lẽ do đặt niệm trên trán nên thân mất trọng tâm*)... Thường ngày, điều khó nhất là độ ngo với Thầy Tịnh: Thầy ăn quá lâu, chỉ mới khoảng nửa bữa ăn của Thầy là chú phải đứng dậy nghỉ trước.

Ở Ngọc Nhơn, chú được Thầy Tịnh cho làm người xuất gia, không cần cạo tóc, đắp y thượng màu nâu, quần áo mặc bình thường, ăn bát sành sơn đen như quý sư, học Tứ y pháp, 10 giới Sa-di, Lục hòa... Thầy nói mấy chú học hạnh xuất gia nhưng ở tại gia, năm mươi – năm mươi, sau nếu vô Đoàn II tu sẽ được khoác y liền, không phải tập sự nữa.

Nhóm cư sĩ đến Ngọc Nhơn tu như chú có bốn người: chú An, chú Bảy Hiến, chú Xuân và một chú nữa. Cùng tu còn có sư Giác Tín, Thầy Tịnh hy vọng sẽ truyền pháp của Thầy cho sư, nhưng không rõ sau thế nào... Đến nay, chú và chú Bảy Hiến tu vẫn năm mươi – năm mươi.



Chánh điện Tịnh xá Ngọc Nhơn – Quy Nhơn năm 2012

Thời gian đầu mới theo Thầy Tịnh học thiền, Thầy dạy cho chú An tỉ mỉ. Có lần Thầy nói: “Anh cứ giữ niệm mà tu, đến khi anh đi ngoài đường cũng biết trong bờ bên phải có con rắn mới thấy pháp này hay.”. mấy tháng sau chú An đi làm ruộng gần nhà, đi ngang một bờ cỏ bên tay phải chợt tự nhủ: “Trong này chắc có con rắn.”, chú lấy đòn gánh vạch cỏ ra quả thật có một con rắn to!

Rồi có lần chú An mua được một con trăn nặng 30 ký, đem bán lời được một chỉ vàng, lúc đó là một số tiền lớn. Hôm sau chú xuống Ngọc Nhơn cúng hội, Thầy thuyết pháp có nói: “...Người ta đi tu rồi mà vẫn buôn bán chúng sinh, lời cũng kha khá!”. Chú nghe đến đó chợt dạ, thầm nghĩ: “Ông này gồm đó!”.

Theo Thầy Tịnh tu thiền được khoảng nửa năm thì chú An bắt đầu thấy những điều lạ. Có lần đang ngồi thiền trong chánh điện Ngọc Nhơn, bỗng nhiên chú thấy thân mình to ra, từ từ to bằng con trâu, rồi thân to bằng cả chánh điện. Lúc Thầy xả thiền, chú thưa điều vừa thấy, Thầy dạy: “Như vậy là đúng rồi, nhưng anh cứ tiếp tục niệm đề mục của mình, không bao giờ được bỏ.”. Có dạo ở An Khê, chú thấy ngộp thở và thân mình bắt đầu chết trong khi ngồi thiền, chết từ dưới chân chết lên. Suốt một dạo đó cứ vậy, khi chết đến ngực thì chú không dám ngồi thiền nữa, vội xuống Ngọc Nhơn ngay. Thầy Tịnh dạy chú: “Phải cho nó chết một lần rồi nó sẽ không chết nữa, bằng không nó cứ chết hoài.”. Lại có dạo cũng ở An Khê, mấy lần chú thấy mình bị mất thân, chỉ còn cái đầu lủng lẳng trong không trung! Khi chú xuống Ngọc Nhơn thưa, Thầy dạy: “Không sao đâu, phải giữ niệm không được bỏ.”... Những điều này Thầy Tịnh cảnh giác chú chỉ được nói với Thầy, không được nói ai, vì nói với người khác sẽ bị mất chỗ ẩn chứng. *(Nhưng nay chú kể hết cho tôi nghe rồi, không biết có sao không? Theo tôi biết, hễ vọng tâm khoe khoang thì sẽ bị mất chỗ kinh nghiệm, dù là nói với Thầy cũng vậy. Nên “nói với Thầy” có nghĩa là khiêm tốn cầu học, không ngã mạn, khoe khoang đó.)*

Đến khi theo Thầy Tịnh được hơn một năm, chú bắt đầu dùng hai câu “Năm là nhớ tưởng đạo lý. Sáu là nhất tâm đại định.” để chữa bệnh tà cho người ở An Khê. Mỗi khi chữa, chú thắp nhang vái: “...Nguyện oai thần Thầy chứng minh cho con dùng hai câu này chữa bệnh cứu người.”, rồi bảo người bệnh ngồi ghi hai câu ấy, khoảng mười bữa sau thì họ hết bệnh. *(Khi theo Thầy Tịnh, chú thấy Thầy mỗi khi vái đều nguyện oai thần Phật, Bồ-tát, Tổ sư, Tam Bảo... chứng minh, nên chú cũng bắt chước.)*

Thầy Tịnh thương chú lắm, mỗi khi đi cúng Thầy biểu chú vào cốc của Thầy tu, đến khi Thầy về mới được ra. Mỗi khi Thầy đi đâu xa đều dẫn chú theo, cho làm thị giả. Mỗi năm Thầy lên nhà chú khoảng ba lần. Chú theo Thầy Tịnh như hai cha con vậy. Chuyện của Thầy từ lúc nhỏ ở nhà là con địa chủ, gặp Tổ sư đi qua nhà oai vệ như ông tướng làm sao, đi hành đạo thế nào... Thầy đều kể cho chú biết.

Cách 20 năm trước đây, chú theo Thầy Tịnh vô miền Nam, đi khắp các tịnh xá Lộc Uyển, Phú Lâm, Trung Tâm, ra núi Dinh... tối lại về giảng đường Lộc Uyển nghỉ. Khi về đó, Thầy cho chú một cái bát với một cái áo lót Thầy đang mặc, Thầy nói: “Anh nếu không dùng cũng sẽ có người khác dùng thay cho anh.”. Quả thật gần đây con trai của chú đã đi xuất gia ở Ngọc Nhơn, pháp danh là Huệ Thịnh, nay đổi là sư Minh Thành. Áo và bát đó chú đã giao lại cho sư Minh Thành.

Hoặc lúc chú cho thợ đào móng cất nhà cách đây hơn 15 năm, vừa đào xong thì Thầy ghé. Thầy cầm một bị bơ có bốn trái to, một ký nếp và một ký đường, nói với chú: “Tui đi Đăk Lăk về, ghé thăm anh. Máy thứ này người ta cho, tui chẳng biết làm gì, thôi anh giữ lấy mà dùng.”. Chú An vui vẻ nhận quà của Thầy mà nghĩ: “Ông già hay thiệt, mình mới đào móng cất nhà đã mang mấy món này đến tặng!”. Rồi chú bảo vợ đem nấu chè xốt bát cúng dường Thầy. *(Tôi nghĩ, nếu người ta đào móng nhà thì mình nên tặng đá, tặng sắt... chứ? Nhưng thật ra cái Thầy Tịnh tặng không phải là trái cây và thực phẩm, mà đó là nhân nghĩa, cái đã làm cho chú An rất vui, nhớ mãi đến nay. Một ngôi nhà tốt nên cất lên từ nhân nghĩa đạo đức, từ bi hỷ xả...)*



Chú Thiệ Thanh – Huỳnh Ngọc An ở An Khê.
(Ảnh trên trang facebook của chú.)

Nói về pháp tu của đức Thầy Giác Tịnh, chú Huỳnh Ngọc An pháp danh Thiệ Thanh ở Thượng An – Song An – An Khê cho biết:

– Đức Thầy Giác Tịnh có mấy pháp tu như Tu bút, Tu kiểng, Thọ trai, Tu thiền, Thiền Bát-nhã và Thiền Lửa tam-muội. Nói chung là các pháp thiền khổ hạnh, oai nghi kỷ lưỡng, nghiêm khắc; và đều là pháp tu niệm, chứ không phải tu quán.

– Tu bút là pháp ngồi viết mấy câu kinh, câu pháp. Phải ngồi ngay ngắn, trang nghiêm, chăm chú viết rõ, không được nói chuyện, ngó đi đâu. Mỗi lần chỉ viết một câu, viết ra khoảng nửa quyển, hay một quyển vỡ là được. Câu Nam-mô A-di-đà Phật, mười câu vị tha, tám câu dâng hương, và bài *Khuyến Khích* “Những ai hết lòng, ân cần cung cấp...” là những câu, những bài thường được Thầy Tịnh cho viết. Nhưng những câu kinh, câu pháp khác dùng để viết cũng được. Pháp tu bút Thầy Tịnh học theo Tổ sư Minh Đăng Quang, hồi đó Tổ sư ngồi trong cốc viết *Chơn Lý*, dạy cho Thầy đây là pháp trụ thân rất tốt.

Khi rảnh rồi, không làm gì, Thầy dùng hai cây bút xanh, đỏ đánh ca-rô. Lúc đó Thầy cũng tu bút, nhưng là để giữ giới không không, thanh tịnh.

Cũng tương tự vậy, có khi Thầy dùng một cây tre thay bút, đứng trong vườn, trong rừng, vạch trên đất mà tu luyện thân.

– Tu kiểng là dùng cái kính lúp để tu. Khi tu ngồi kiết già hay bán già, vẽ một chữ Vạn bên ngoài chân khoảng một gang tay, rồi chấm một chấm lớn bằng hạt gạo ở giữa chữ Vạn, chấm màu đen hoặc màu trắng, hai bàn tay bắt ấn âm dương, tay phải trên, tay trái dưới, (*Hình Tổ sư: tay*

phải dưới, tay trái trên.) kẹp cán kính giữa hai tay sao cho mắt nhìn qua kính thấy được chấm giữa chữ Vạn.

Đầu tiên hơi mở mắt nhìn cái chấm ấy, đến khi mỏi thì khép lại, rồi lại mở mắt nhìn, lại khép... Hễ mở mắt là luyện thần nhãn, nhắm mắt là luyện thần nhĩ. Tu pháp này luyện được thần sẽ thành được thần nhãn, thần nhĩ.

– Thọ trai là ăn bữa trưa theo nghi thức của người xuất gia. Đây là lúc thân thọ vật chất để nuôi sống một ngày, thói thường là lúc hưởng thụ, người tu hành cảnh giác trước thói ấy nên vừa ăn vừa tu.

Đầu tiên là xốt bát, chú nguyện, lấy cơm và đồ ăn vừa đủ, trộn đều, ôm bát sát chân, dít một hạt cơm để bên ngoài bát, múc muống cơm ngay ngắn đưa vào miệng, nhai chậm rãi cho nhuyễn thành nước rồi nuốt, mắt không rời khỏi hạt cơm đã để sẵn, thân trang nghiêm không được trạo cử.

Một bữa thọ trai thế này mất khoảng 3 tiếng, do có cúng, có thuyết pháp...

– Pháp Tu thiền của đức Thầy Giác Tịnh là thế này: Đầu tiên dùng pháp Tu bút, nhưng chỉ ghi một câu chữ không hết một bài, sau đó không ghi nữa mà ngồi niệm câu vừa được ghi, lần sau sẽ là câu kế tiếp. Ngồi bán già hoặc kiết già, lưng thẳng, gồng người, đầu gục nhìn xuống chân, hai bàn tay bắt ấn âm dương kéo sát vào mạn sườn, thở bụng, tưởng câu đã ghi trên trán, thắm niệm liên tục. Thân này ví như bình điện, pháp tu bút đầu buổi ngồi thiền như công-tơ xạc điện, xạc cho đầy điện quang.

Trong khi tu sẽ thấy nhiều cảnh giới (*như chú An*), nhưng phải luôn luôn niệm đề mục không được bỏ.

Đến khi trên trán hiện ra hình ảnh đề mục đã ghi là đạt. Pháp này giúp mình muốn tới đâu thì tới. Pháp này cao tột không còn pháp nào hơn.

Cả đời Thầy Tịnh chỉ tu niệm thế này chứ không tu quán, và ngài đã kinh nghiệm nó suốt mấy chục năm ở Quy Nhơn. Sau khi truyền cho chú An, Thầy Tịnh có nói: “Sau này anh muốn đặt tên pháp tu này là gì cũng được, nhưng nhớ đừng làm cho nó bị thất truyền.”. Đến khi sắp mất Thầy Tịnh cũng dặn dò chú An cố gắng không để thất truyền pháp tu thiền của ngài.

– Pháp Thiền Bát-nhã của đức Thầy Giác Tịnh là tu thiền như trên, nhưng tu trong tư thế nằm, ngọa thiền.

Người tu sau khi ghi đủ rồi thì nằm xuống như Phật nằm, tay phải đỡ sau mang tai phải, chống thẳng, tay trái duỗi dài trên chân trái, hai chân xếp chồng lên nhau. Tu đến khi mỏi tay thì xả thiền.

– Pháp Thiền Lửa tam-muội của đức Thầy Giác Tịnh cũng là tu thiền như trên, nhưng hai tay bắt ấn tam-muội và khi xả thiền phải xả lên hư không, nếu xả ngang sẽ ảnh hưởng không tốt đến mọi người. (*Chú An nói thế này là chưa rõ, chỗ yếu tố Lửa.*)

Pháp Thiền Lửa tam-muội của đức Thầy Giác Tịnh chứa đủ cả tam tàng kinh điển.

Về những pháp tu của đức Thầy Giác Tịnh, tôi có hỏi kỹ chú An mấy điểm này:

– Chú nói Thầy Tịnh dạy rằng phải niệm đề mục suốt, không gián đoạn, đến khi trên trán hiện lên mấy chữ đề mục là đạt. Vậy Thầy có dạy thêm cảnh giới Vô niệm sau đó không?

Chú An đáp:

– Không có.

Tôi nói:

– Như bên Tịnh độ niệm Nam-mô A-di-đà Phật không gián đoạn, đến khi nhập tâm, không khởi niệm mà tâm vẫn niệm liên tục cho dù trong khi ngủ gọi là công phu đã đắc lực, nhưng vẫn tu tiếp đến khi nhất tâm bất loạn mới gọi là đạt. Trong pháp niệm Phật lúc đắc lực là tâm tự niệm, còn pháp niệm đề mục của Thầy Tịnh lúc đắc lực là trước trán hiện lên đề mục, như vậy nó nặng về phần ghi chữ ban đầu rồi (*tức là quán tưởng chữ*).

Chú An chăm chú nghe rồi trả lời:

– Chắc vậy đó, sư.

Tôi lại hỏi:

– Về tám câu dâng hương Thầy Giác Tịnh dạy, đó là những câu nào?

Chú An đáp ngay:

– Tám câu dâng hương chính là bài *Dâng Hương* trong Chơn lý *Bài Học Cư Sĩ* đó, sư:

Kính lạy Phật, Pháp, Tăng tam bảo
Nhang, bông, đèn khấn cáo dâng lên
Cúng Phật-đà nhờ lượng bề trên
Cầu cho đặng vững bền, khoái lạc.
Nguyện những kẻ cùng tôi ân tạc
Trước cầu xin an lạc mẹ cha
Sau chúng sanh chẳng hạn trẻ già
Thầy đều đặng thuận hòa khỏe mạnh.

Tôi nói:

– Thì ra là vậy.

Chú An giải thích:

– Thầy bảo là trong tám câu này có trên trời, dưới đất, già trẻ, mẹ cha, nội ngoại... Người ta đau bệnh gì mình viết tám câu ấy đốt cho uống cũng hết, nhưng phải có thần lực của thiên.

Tôi nhận xét với chú An:

– Những pháp tu này đâu có gì nghịch mà mọi người đều nói là Thầy tu pháp nghịch? Trong *Chơn Lý*, Tổ sư Minh Đăng Quang đã dạy rất rộng, ngài nói việc gì cũng có thể dùng làm đề mục tu được hết. Thế thì ngài Giác Tịnh theo đó ứng dụng chứ có gì sai? Còn mấy pháp thọ trai là từ thời Tổ đã có, ngài chỉ đặt thêm một hạt cơm để làm điểm nhìn chứ có gì đâu.

Chú An thành thật nói:

– Trò theo Thầy bao lâu mà chưa bao giờ nghe về pháp tu nghịch gì cả.

Tôi nói tiếp:

– Sư thấy pháp tu của ngài Giác Tịnh chịu ảnh hưởng nặng của bài Chơn lý *Thần Mật*. Nếu cần, chú nên đặt tên nó là pháp tu Thần mật.

Chú An nói:

– Đúng là Thầy hay giảng bài *Thần Mật*. Mà mỗi ngày Thầy đều đọc và giảng một bài Chơn lý cho bọn trò.

Tôi lại hỏi:

– Sư có nghe về việc mấy người dân quân thấy trong tịnh xá có ánh sáng, chuyện đó Thầy có kể cho chú không?

Chú An trả lời

– Dạ không, sư. Nhưng ông con trai của người đã nhìn thấy có kể với trò. Hồi đó chưa có Ngọc Nhơn, chỗ đó là một đám mả, có một cây dúi. Buổi chiều Thầy ghé về đó ở. Tới tối có bà cụ ở kế bên thấy chỗ cây dúi phát sáng. Bà nhớ khi chiều có ông thầy chùa ngồi chỗ đó, bà mới rủ thêm một ông nữa qua xem thì thấy toàn thân Thầy phát sáng. Do đó bà phát tâm cúng đất chỗ đó cho Thầy làm tịnh xá, họ cùng lên núi chặt cây xuống làm chánh điện... (*Chuyện này đại đức Trục lại kể khác: Ban đêm bà Tám nằm mộng thấy một nhà sư ngồi ở đó, sáng ra bà thấy ngài Tịnh, nên phát tâm cúng đất cho ngài.*)

– Vậy còn chuyện cốc bát giác, nghe nói Thầy ở trong cốc bát giác (*như Phật*) à?

– Không có ở đâu, sư. Thầy có cất cốc bát giác, nhưng chỉ làm chỗ hóng mát, trò cũng có vào đó ngồi chơi với Thầy mà. Bây giờ cốc bát giác được dời vô trong khu biệt thất chư Tăng đó. Lúc trước, cốc của Thầy ở kế chỗ đài Quan Âm hiện nay. Còn cốc bây giờ thờ cốt của Thầy là cốc Phật tử xây lúc cuối đời cho Thầy có chỗ dưỡng bệnh.



Cốc bát giác hiện ở trong khu Biệt thất chư Tăng của Tịnh xá Ngọc Nhơn.

– Vậy ha? Còn chuyện bồ thí máu cho muỗi thì sao?

– Cho muỗi và cho rệp nữa, sư. Thầy ngồi thiền trước bàn thờ Tổ trong chánh điện, muỗi bay đây! Nó chích riết thành ghẻ, máu mủ dính đầy y, ai thấy cũng gớm. Mỗi lần Thầy lên nhà là trò với vợ lại lo chăm sóc, mấy bữa sau khô hết. Lần sau Thầy lên lại y như cũ. Còn rệp, ở đây giường của Thầy, mà Thầy đâu có cho giặt giũ. Sư mà nằm lên đó là bọn nó khiêng sư xuống đất liền!

Tôi nghĩ bồ thí kiểu này đúng là hạnh khó làm, nhưng cũng chưa phải là nghịch. Nếu ngài thị hiện làm chúa ma phá Tăng, làm ác vương phá Đạo, bị quả báo nặng nề cho người xem gương mà tránh... thì mới có thể gọi là nghịch hạnh. Còn chuyện ngài hay hút thuốc công khai thì chẳng rõ thế nào, sao gọi là tu? Nói chung là ông cụ khác người quá, chẳng trách sao đương thời mọi người khó hiểu ông.

Qua mấy lần trao đổi với chú An, tôi cảm nhận được là chú đã rất gắn bó với đức Thầy Giác Tịnh, suốt 30 năm vẫn vậy, dù Thầy Tịnh đã mất. Chú An băn khoăn là làm sao để giữ được pháp thiền của Thầy, tôi có bảo chú là nay tôi sẽ giới thiệu dùm cho, nhưng chú mới là nhân vật chính, hãy chuẩn bị để chỉ lại cho mọi người. Chú An e rằng mình còn phải lo cho người con út đang học Đại học một năm nữa, tôi bảo vậy thì chỉ cố gắng làm kiếm tiền thêm một năm nữa thôi... Mong rằng chú An sẽ hoàn thành được trách nhiệm mà vị ân sư đã đặt lên vai chú!



Đức Thầy Giác Tịnh, vị ân sư của chú An.
(Ảnh trên trang facebook của chú.)

Đến đây, bài viết này sẽ tổng kết về hành trạng của ngài Giác Tịnh bằng hai chữ “Phi thường”, nghĩa là “Chẳng thường”. Ngày xưa Tổ sư Minh Đăng Quang đã từng bảo ngài Giác Tánh: “Sau này ông nên theo ông Tịnh, đừng bỏ ông.”, là Tổ sư đã biết sau này chỗ chẳng thường của ngài Giác Tịnh sẽ khó được huynh đệ chấp nhận, nên đã bảo ngài Giác Tánh theo gấn bó, nhờ vậy mà giữ được Đoàn II. Và xưa hơn nữa, trong buổi tao ngộ đầu tiên, Tổ sư đã cố ý tạo hình ảnh một nhà sư oai vệ như ông tướng đi thoáng qua, hấp dẫn chàng thanh niên Huỳnh Văn Sừng bỏ nhà chạy theo, là Tổ sư đã biết tâm lý hâm mộ sự phi thường của đệ tử từ lâu rồi vậy.

Phần viết về đoàn Thầy Tịnh, xem lại cũng đã tạm đủ qua các bài số 12, 16, 19, 27, 28, 30 và 31. Như vậy tôi đã tìm hiểu về Phật giáo Khất Sĩ được năm phần: đó là thời Tổ sư Minh Đăng Quang, Giáo đoàn I, Giáo đoàn II, đoàn trưởng lão Từ Huệ, và các nhóm Khất sĩ ngoài hệ thống của Đạo Phật Khất Sĩ Việt Nam. Năm phần còn lại cần tìm hiểu tiếp là các Giáo đoàn III, IV, V, cùng hai nhóm Giáo hội Khất sĩ Việt Nam và Giáo hội Khất sĩ Ni giới Việt Nam. Ghi ra mới thấy còn cả nửa đường, thật không đơn giản.
